

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ chi tiết danh mục và kế hoạch vốn năm 2023 thực hiện Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025 và Đề án nâng cao năng lực hoạt động hệ thống y tế cơ sở của tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 4279/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh về việc phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh ban hành Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh ban hành Đề án nâng cao năng lực hoạt động hệ thống y tế cơ sở của tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 18/TTr-SKHĐT ngày 22/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ chi tiết danh mục, kế hoạch vốn năm 2023 và giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư để thực hiện 02 Đề án sau:

- Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025: 50.000 triệu đồng (Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo Quyết định này).

- Đề án nâng cao năng lực hoạt động hệ thống y tế cơ sở của tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025: 50.000 triệu đồng (Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được phân bổ danh mục và kế hoạch vốn năm 2023 nêu tại Điều 1 Quyết định này chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư và các công việc có liên quan để đầu tư công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Trung tâm Y tế, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- KBNN tỉnh;
- CVP, PVP VX;
- Lưu: VT, K1, K9, K15.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

Phụ lục 01:**DANH MỤC DỰ ÁN VÀ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ĐẢM BẢO CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON VÀ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2022-2025***ĐVT: triệu đồng*

STT	Danh mục dự án/ Cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
	TỔNG SỐ	50.000	
I	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	7.500	
1	Trường THPT số 3 An Nhơn, thị xã An Nhơn; HM: Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng	3.000	
2	Trường THPT số 2 An Nhơn, thị xã An Nhơn; HM: Nhà hiệu bộ	2.500	
3	Trường THPT Võ Giữ, huyện Hoài Ân; HM: Nâng cấp, cải tạo Nhà bộ môn thành Nhà hiệu bộ	2.000	
II	THỊ XÃ HOÀI NHƠN	5.000	
1	Trường THCS Tam Quan, HM: Nhà hiệu bộ	700	
2	Trường MN Bồng Sơn (HM: Nhà lớp học 02 tầng 10 phòng; Nhà hiệu bộ 06 phòng)	3.000	
3	Trường TH số 1 Hoài Mỹ, HM: Nhà lớp học, nhà bộ môn	1.300	
III	THỊ XÃ AN NHƠN	3.000	
1	Trường Tiểu học Nhơn Phúc: Nhà 02 tầng 06 phòng - Điểm chính Mỹ Thạnh	600	
2	Trường Tiểu học số 1 Nhơn Hòa: Nhà 02 tầng 06 phòng - Điểm chính An Lộc	600	
3	Trường Tiểu học Nhơn Mỹ: Nhà 02 tầng 06 phòng - Điểm chính Thiết Tràng	600	
4	Trường Tiểu học Nhơn Hạnh: Phân hiệu Thanh Mai 02 tầng 06 phòng học	600	
5	Trường Tiểu học số 1 Nhơn Thành: Phân hiệu Tiên Hội 02 tầng 08 phòng học	600	
IV	HUYỆN TUY PHƯỚC	4.000	
1	Trường TH số 2 Phước Thành: Xây dựng bổ sung 2T6P (05 phòng chức năng + 01 phòng học) điểm chính	1.200	

STT	Danh mục dự án/ Cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
2	Trường TH số 1 Phước An: Xây dựng bổ sung thêm 2T6P (03 phòng chức năng + 03 phòng học) tại điểm An Hoà	1.200	
3	Trường MN thị trấn Diêu Trì: Xây dựng bổ sung 2T4P (02 phòng chức năng+02 phòng học) tại điểm chính	800	
4	Trường MN Phước Lộc: Xây dựng bổ sung 2T4P (02 phòng học nhập điểm + 01 phòng học nhóm trẻ + 01 phòng chức năng) tại điểm phụ Đại Tín	800	
V	HUYỆN PHÙ CÁT	4.000	
1	Trường MG Cát Tường (HM: Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 10 phòng + 02 phòng chức năng dôn các điểm trường lẻ về điểm trường Phú Gia)	2.500	
2	Trường THCS Cát Hanh (HM: Xây dựng bổ sung 06 phòng bộ môn)	1.500	
VI	HUYỆN PHÙ MỸ	5.000	
1	Trường Mẫu giáo Mỹ Thắng, hạng mục 04 phòng học và 02 phòng chức năng	1.400	
2	Trường Mẫu giáo Mỹ Chánh Tây, hạng mục: 01 phòng đa chức năng; khối hành chính, quản trị và khối phụ trợ	1.000	
3	Trường tiểu học số 2 Mỹ Thắng, hạng mục: 06 phòng bộ môn	1.300	
4	Trường tiểu học Mỹ Lộc, hạng mục: 06 phòng bộ môn	1.300	
VII	HUYỆN HOÀI AN	3.000	
1	Trường MN Ân Đức, thôn Gia Trị; Hạng mục: Nhà lớp học 06 phòng	1.200	
2	Trường MG vùng cao thôn T6 Bok Tới (hạng mục: 02 phòng học, phòng chức năng, nhà hiệu bộ, bếp ăn)	1.800	
VIII	HUYỆN TÂY SƠN	6.800	
1	Trường THCS Mai Xuân Thuởng, Hạng mục: 04 phòng bộ môn, chức năng	2.000	
2	Trường MN Tây Xuân, Hạng mục: 04 phòng học, 03 phòng bộ môn, chức năng	2.800	

STT	Danh mục dự án/ Cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
3	Trường TH Tây Xuân, Hạng mục: 02 phòng học, 04 phòng chức năng	2.000	
IX	HUYỆN AN LÃO	1.700	
1	Trường MN An Hòa: Xây dựng 01 phòng hội đồng, 01 phòng GD nghệ thuật	700	
3	Trường THCS An Hòa: Xây dựng 04 phòng học, 04 phòng bộ môn	1.000	
X	HUYỆN VĨNH THẠNH	5.000	
1	Trường THCS thị trấn Vĩnh Thạnh: Xây dựng 08 phòng bộ môn, chức năng	2.500	
2	Trường MN thị trấn Vĩnh Thạnh (Điểm trường chính): Xây dựng 01 phòng đa năng, 01 phòng tin học	800	
3	Trường THCS Vĩnh Hảo: Xây dựng 05 phòng bộ môn, chức năng	1.700	
XI	HUYỆN VÂN CANH	5.000	
1	Trường MN Canh Thuận (Hạng mục: 02 phòng học; nhà bếp, nhà ăn; nhà hiệu bộ; nhà chức năng; nhà thường trực)	3.000	
2	Trường TH số 1 Canh Vinh; Hạng mục: 06 phòng học	2.000	

Ghi chú: Các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư phải trình hồ sơ, thủ tục cho cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư trong tháng 3 năm 2023 để triển khai các bước tiếp theo theo quy định.

Phụ lục 02:**DANH MỤC DỰ ÁN VÀ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 THỰC HIỆN ĐỀ ÁN NÂNG CAO NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2022-2025***DVT: triệu đồng*

S TT	Danh mục dự án/ Cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
	TỔNG SỐ	50.000	
I	SỞ Y TẾ	14.000	
1	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn: Xây dựng mới Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, An toàn thực phẩm và Phòng Dân số - Truyền thông và giáo dục sức khỏe (xây dựng tại địa điểm mới)	8.000	
2	Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ: Xây mới: khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, An toàn thực phẩm và Phòng Dân số - Truyền thông và giáo dục sức khỏe	6.000	
II	THÀNH PHỐ QUY NHƠN	2.000	
1	Xây dựng mới Trạm y tế xã Nhơn Châu	1.200	
2	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế phường Nhơn Phú	400	
3	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế phường Trần Quang Diệu	400	
III	THỊ XÃ HOÀI NHƠN	1.200	
1	Xây dựng mới Trạm y tế phường Hoài Hương.	1.200	
IV	THỊ XÃ AN NHƠN	2.400	
1	Xây dựng mới Trạm y tế phường Nhơn Hưng	1.200	
2	Xây dựng mới Trạm y tế xã Nhơn Hậu	1.200	
V	HUYỆN TUY PHƯỚC	1.800	
1	Xây dựng mới Trạm y tế Thị trấn Tuy Phước	1.800	
VI	HUYỆN PHÙ CÁT	4.100	
1	Xây dựng mới Trạm y tế xã Cát Nhơn	1.800	
2	Xây dựng mới Trạm y tế xã Cát Lâm	1.800	
3	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Cát Minh	500	
VII	HUYỆN PHÙ MỸ	4.000	
1	Xây dựng mới Trạm y tế thị trấn Phù Mỹ	1.600	
2	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Mỹ Đức	600	

S TT	Danh mục dự án/ Cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
3	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Mỹ Thành	600	
4	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Mỹ Thắng	600	
5	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Mỹ Hòa	600	
VIII	HUYỆN HOÀI AN	4.500	
1	Xây dựng mới Trạm y tế xã Ân Nghĩa	2.000	
2	Xây dựng mới Trạm y tế xã Ân Tín	2.000	
3	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Ân Tường Tây	500	
IX	HUYỆN TÂY SƠN	6.000	
1	Xây dựng mới Trạm y tế xã Bình Thành	2.000	
2	Xây dựng mới Trạm y tế xã Bình Tường	2.000	
3	Xây dựng mới Trạm y tế xã Bình Nghi	2.000	
X	HUYỆN AN LÃO	2.000	
1	Xây dựng mới Trạm y tế xã An Quang	1.000	
2	Xây dựng mới Trạm y tế xã An Trung	1.000	
XI	HUYỆN VĨNH THẠNH	6.000	
1	Xây dựng mới Trạm y tế xã Vĩnh Thịnh	3.000	
2	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Vĩnh Kim	1.000	
3	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Vĩnh Sơn	1.000	
4	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Vĩnh Hảo	1.000	
XII	HUYỆN VÂN CANH	2.000	
1	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Canh Hiền	1.000	
2	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Canh Thuận	1.000	

Ghi chú: Các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư phải trình hồ sơ, thủ tục cho cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư trong tháng 3 năm 2023 để triển khai các bước tiếp theo theo quy định.